STT	Người ký	Đơn vị	Thời gian ký	Ý kiến	Kiểm tra chữ ký
1	NGUYỄN QUYNH CHÂM	Thạc sĩ Điều dưỡng - Trường CĐYT Bạch Mai - Đơn vị chức năng - BỆNH VIỆN BẠCH MAI - Bệnh Viện Bạch Mai	09/06/2026 11:06:58		
2	NGUYỄN TRÍ CÔNG	Cử nhân Kỹ thuật Y - Trường CĐYT Bạch Mai - Đơn vị chức năng - BỆNH VIỆN BẠCH MAI - Bệnh Viện Bạch Mai	09/06/2026 10:58:27		
3	VŨ GIA QUYỀN	Cử nhân Phục hồi chức năng - Trường CĐYT Bạch Mai - Đơn vị chức năng - BỆNH VIỆN BẠCH MAI - Bệnh Viện Bạch Mai	09/06/2026 09:22:14		
4	NGÔ THÙY ANH NGỌC	Bác sĩ - Trường CĐYT Bạch Mai - Đơn vị chức năng - BỆNH VIỆN BẠCH MAI - Bệnh Viện Bạch Mai	09/06/2026 08:09:08		

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

5	LÊ KHẮC PHƯƠNG	Cử nhân Kỹ thuật Y - Trường CĐYT Bạch Mai - Đơn vị chức năng - BỆNH VIỆN BẠCH MAI - Bệnh Viện Bạch Mai	09/06/2026 07:45:21		
6	NGUYỄN THỊ HẰNG	Điều dưỡng Cao Đẳng - Trường CĐYT Bạch Mai - Đơn vị chức năng - BỆNH VIỆN BẠCH MAI - Bệnh Viện Bạch Mai	08/06/2026 18:27:07		

33935_NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH_11:10 09/06/2026
Th c s i u d ng NGUY N QU NH CHÂM a ky, 09/06/2026 11:06:59

Mã văn bản: 2163203/BC-
Số văn bản: 2163203
Ngày ban hành: 09/06/2026

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ BẠCH MAI
PHÒNG QLĐT&NCKH

THÔNG BÁO DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN XÉT HỌC BỔNG HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025 - 2026 - ĐIỀU DƯỠNG K12

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Mô đun 22: Công tác xã hội				Mô đun 5: Kỹ thuật điều dưỡng				Mô đun 6: CSSK người lớn nội khoa 1				ĐIỂM TK TÍNH HỌC BỔNG	THI LẠI	RÈN LUYỆN	KỶ LUẬT	Dự kiến được xét học bổng
					TBC HP	HS1	HS2	Thi	TBC HP	HS1	HS2	Thi	TBC HP	HS1	HS2	Thi					
					2				5				5				12				
1	24Q301120132	Phạm Thị Thanh Thảo	6/23/2006	ĐD12.01	8.0	8.00	8.00	8.00	8.1	8.50	8.00	8.00	8.3	8.00	9.00	8.00	8.2	0	Tốt	Không	Giỏi
2	24Q301120910	Phạm Đức Duy	4/15/2006	ĐD12.09	8.2	7.00	8.00	8.50	8.7	8.90	9.10	8.50	7.6	7.00	8.00	7.50	8.2	0	Tốt	không	Giỏi
3	24Q301122429	Nguyễn Minh Thư	7/27/2006	ĐD12.24	8.7	6.00	9.50	9.00	7.9	8.00	8.90	7.50	8.4	7.50	8.50	8.50	8.2	0	Tốt	không	Giỏi
4	24Q201010214	Nguyễn Khánh Huyền	3/31/2006	ĐD12.18	8.1	9.00	8.00	8.00	8.1	8.00	8.40	8.00	8.1	8.00	8.50	8.00	8.1	0	Xuất sắc	không	Giỏi
5	24Q301120930	Bùi Thị Bích Ngọc	1/15/2005	ĐD12.09	8.8	7.00	8.00	9.50	8.0	8.20	7.80	8.00	7.7	8.00	8.00	7.50	8.0	0	Tốt	không	Giỏi
6	24Q301120919	Đoàn Diệu Linh	6/30/2006	ĐD12.09	8.6	8.00	8.00	9.00	7.6	8.50	8.70	7.00	7.9	7.50	8.00	8.00	7.9	0	Tốt	không	Khá
7	24Q301122116	Nguyễn Thị Phương Hoa	1/11/2006	ĐD12.21	8.3	8.00	8.00	8.50	8.0	8.50	7.80	8.00	7.7	8.00	8.00	7.50	7.9	0	Xuất sắc	không	Khá
8	24Q301120939	Nguyễn Thanh Vân	5/2/2006	ĐD12.09	8.2	7.00	8.00	8.50	7.3	7.60	7.80	7.00	8.1	7.50	7.50	8.50	7.8	0	Tốt	không	Khá
9	24Q301121333	Lê Diệu Thủy	3/24/2006	ĐD12.13	8.3	8.00	9.00	8.00	7.4	9.00	7.60	7.00	8.0	8.00	8.00	8.00	7.8	0	Khá	không	Khá
10	24Q301121405	Phùng Vân Anh	8/30/2006	ĐD12.14	8.4	7.00	9.00	8.50	8.2	8.30	8.40	8.00	7.2	8.00	8.50	6.50	7.8	0	Tốt	không	Khá
11	24Q301121613	Nguyễn Thị Lan Hương	6/6/2006	ĐD12.16	7.4	8.00	8.00	7.00	7.5	9.00	8.00	7.00	8.3	8.00	8.00	8.50	7.8	0	Tốt	không	Khá
12	24Q301122319	Đỗ Thị Huyền	1/12/2006	ĐD12.23	8.0	6.00	9.00	8.00	7.5	8.00	9.30	6.50	8.0	8.00	8.00	8.00	7.8	0	Khá	không	Khá
13	24Q301120220	Cao Nguyễn Thiên Hường	12/27/2006	ĐD12.02	8.5	7.00	8.00	9.00	7.5	9.00	8.00	7.00	7.5	7.50	8.50	7.00	7.7	0	Tốt	không	Khá
14	24Q301120815	Lều Phương Hà	7/1/2006	ĐD12.08	8.7	9.00	8.00	9.00	7.9	9.00	8.20	7.50	7.2	7.50	7.50	7.00	7.7	0	Tốt	không	Khá
15	24Q301121006	Trần Xuân Bách	5/7/1993	ĐD12.10	8.9	8.00	8.00	9.50	7.8	8.50	8.00	7.50	7.0	7.50	9.00	6.00	7.7	0	Tốt	không	Khá
16	24Q301121017	Lê Thanh Huyền	9/20/2006	ĐD12.10	7.4	8.00	8.00	7.00	7.7	9.00	7.60	7.50	7.8	8.00	8.50	7.50	7.7	0	Tốt	không	Khá
17	24Q301121822	Nguyễn Thanh Hợp	8/24/2006	ĐD12.18	8.7	9.00	8.00	9.00	7.1	8.30	5.80	7.50	7.8	7.50	8.50	7.50	7.7	0	Xuất sắc	không	Khá
18	24Q301122037	Nguyễn Thị Ngân Trang	9/9/2005	ĐD12.20	9.3	9.00	10.00	9.00	7.4	8.50	8.90	6.50	7.4	8.00	8.00	7.00	7.7	0	Tốt	không	Khá
19	24Q301122118	Nguyễn Mai Hương	8/16/2006	ĐD12.21	8.2	7.00	8.00	8.50	7.8	8.00	7.30	8.00	7.4	8.00	8.00	7.00	7.7	0	Tốt	không	Khá
20	24Q301122135	Nguyễn Văn Thắng	8/5/2001	ĐD12.21	8.3	8.00	8.00	8.50	7.2	8.70	7.10	7.00	8.0	8.00	8.00	8.00	7.7	0	Tốt	không	Khá
22	24Q301120235	Chu Thị Thảo	11/13/2006	ĐD12.02	8.3	8.00	8.00	8.50	7.8	9.30	8.90	7.00	7.0	8.00	7.50	6.50	7.6	0	Tốt	không	Khá
21	24Q301120330	Nguyễn Thị Kim Oanh	1/17/2006	ĐD12.03	7.9	7.50	8.00	9	6.9	8.50	8.00	6.00	7.9	8.00	7.50	8.00	7.6	0	Xuất sắc	không	Khá
23	24Q301120627	Nguyễn Đức Phúc	12/11/2005	ĐD12.06	8.2	6.00	7.50	9.00	7.7	8.00	8.20	7.50	7.2	8.00	6.00	7.50	7.6	0	Xuất sắc	không	Khá
24	24Q301120802	Ngô Quỳnh Anh	9/8/2006	ĐD12.08	8.1	9.00	8.00	8.00	7.5	8.70	9.10	6.50	7.4	8.00	8.00	7.00	7.6	0	Khá	không	Khá
25	24Q301121013	Hoàng Thu Hằng	9/8/2006	ĐD12.10	8.6	8.00	8.00	9.00	7.7	8.00	8.20	7.50	7.2	8.00	8.50	6.50	7.6	0	Khá	không	Khá
26	24Q301121317	Trần Khánh Linh	5/26/2006	ĐD12.13	8.6	6.00	10.00	8.50	7.3	7.80	8.70	6.50	7.6	7.50	8.00	7.50	7.6	0	Tốt	không	Khá
27	24Q301121330	Lê Diệu Thu	3/24/2006	ĐD12.13	8.4	9.00	10.00	7.50	7.4	8.00	8.00	7.00	7.4	8.00	9.00	6.50	7.6	0	Khá	không	Khá
28	24Q301121818	Đỗ Thị Hương Giang	1/24/2006	ĐD12.18	8.4	9.00	8.00	8.50	7.2	8.00	8.40	6.50	7.7	8.00	8.00	7.50	7.6	0	Tốt	không	Khá
29	24Q301121837	Nguyễn Châu Quỳnh	2/5/2001	ĐD12.18	8.0	8.00	8.00	8.00	7.6	9.20	8.00	7.00	7.5	7.50	8.50	7.00	7.6	0	Tốt	không	Khá
30	24Q301122215	Phạm Mai Liên	12/29/2006	ĐD12.22	8.2	7.00	8.00	8.50	7.9	8.30	8.70	7.50	7.0	8.00	7.50	6.50	7.6	0	Tốt	không	Khá
31	24Q301122237	Nguyễn Thị Thùy Trang	7/19/1998	ĐD12.22	8.3	8.00	8.00	8.50	7.1	8.00	9.10	6.00	7.7	9.00	8.50	7.00	7.6	0	Tốt	không	Khá
32	24Q604110219	Vũ Mỹ Lệ	7/20/2006	ĐD12.22	8.2	7.00	8.00	8.50	7.8	9.00	8.00	7.50	7.1	7.00	8.50	6.50	7.6	0	Tốt	không	Khá
33	24Q301122411	Nguyễn Thị Hương Giang	4/27/2006	ĐD12.24	8.6	8.00	9.00	8.50	7.4	8.00	7.80	7.00	7.4	8.00	8.00	7.00	7.6	0	Khá	không	Khá

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 2163203/BC-
Số văn bản: 2163203
Ngày ban hành: 09/06/2026

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Mô đun 22: Công tác xã hội				Mô đun 5: Kỹ thuật điều dưỡng				Mô đun 6: CSSK người lớn nội khoa 1				ĐIỂM TK TÍNH HỌC BỔNG	THI LẠI	RÈN LUYỆN	KỶ LUẬT	Dự kiến được xét học bổng
					TBC HP	HS1	HS2	Thi	TBC HP	HS1	HS2	Thi	TBC HP	HS1	HS2	Thi					
					2				5				5				12				
34	24Q301120422	Kiều Ngọc Ly	11/22/2006	ĐD12.04	8.2	7.00	8.00	8.50	7.6	7.80	7.80	7.50	7.1	7.50	7.00	7.00	7.5	0	Khá	không	Khá
35	24Q301120435	Nguyễn Phương Thảo	2/21/2006	ĐD12.04	7.7	7.00	8.50	7.50	7.7	8.50	7.60	7.50	7.1	7.00	8.50	6.50	7.5	0	Tốt	không	Khá
36	24Q301120504	Tống Ngọc Quỳnh Anh	9/18/2006	ĐD12.05	8.0	8.00	9.00	7.50	7.0	7.00	8.00	6.50	7.8	7.50	8.50	7.50	7.5	0	Tốt	không	Khá
37	24Q301120704	Nguyễn Thị Vân Anh	12/17/2006	ĐD12.07	8.5	9.00	7.00	9.00	7.4	7.80	8.20	7.00	7.2	9.00	8.00	6.50	7.5	0	Tốt	không	Khá
38	24Q301120733	Nguyễn Thanh Phương	4/8/2004	ĐD12.07	9.4	9.50	9.00	9.50	7.0	8.40	8.70	6.00	7.3	7.50	8.00	7.00	7.5	0	Tốt	không	Khá
39	24Q301121002	Nguyễn Hải Anh	1/8/2004	ĐD12.10	7.9	7.00	8.00	8.00	7.9	9.00	8.20	7.50	7.0	7.50	9.00	6.00	7.5	0	Tốt	không	Khá
40	24Q301121031	Trương Đức Quân	9/20/2006	ĐD12.10	8.2	7.00	7.00	9.00	7.2	8.00	7.10	7.00	7.5	8.00	8.50	7.00	7.5	0	Tốt	không	Khá
41	24Q301122021	Hà Ngọc Mai	5/25/2006	ĐD12.20	9.9	9.00	10.00	10.00	7.2	8.00	8.40	6.50	6.8	8.00	8.00	6.00	7.5	0	Tốt	không	Khá
42	24Q301122041	Phạm Lê Thảo Uyên	9/13/2006	ĐD12.20	9.0	8.00	9.50	9.00	7.6	7.80	8.70	7.00	6.8	8.00	8.00	6.00	7.5	0	Khá	không	Khá
43	24Q301122229	Đỗ Thị Phương Thảo	2/1/2006	ĐD12.22	8.2	7.00	8.00	8.50	7.4	8.50	7.60	7.00	7.2	9.00	8.00	6.50	7.5	0	Tốt	không	Khá
44	24Q301120411	Nguyễn Thị Hồng Gấm	12/14/2004	ĐD12.04	8.3	7.00	8.50	8.50	7.2	8.00	7.30	7.00	7.3	7.50	8.00	7.00	7.4	0	Tốt	không	Khá
45	24Q301120430	Nguyễn Đình Phú	8/15/1999	ĐD12.04	8.8	7.00	8.00	9.50	7.1	8.40	7.60	6.50	7.2	7.50	7.50	7.00	7.4	0	Xuất sắc	không	Khá
46	24Q301120438	Bùi Thị Thư	7/5/2006	ĐD12.04	7.6	7.00	8.00	7.50	7.0	8.30	7.60	6.50	7.7	7.00	8.50	7.50	7.4	0	Xuất sắc	không	Khá
47	24Q301120613	Nguyễn Thị Mai Lan	10/17/2006	ĐD12.06	8.3	7.50	7.00	9.00	7.0	7.70	8.90	6.00	7.4	8.00	8.00	7.00	7.4	0	Khá	không	Khá
48	24Q301120629	Lê Thị Minh Phương	11/10/2006	ĐD12.06	8.2	7.00	7.00	9.00	7.8	9.00	9.10	7.00	6.6	8.00	6.00	6.50	7.4	0	Tốt	không	Khá
49	24Q301120809	Đỗ Kim Diễm	1/16/2006	ĐD12.08	8.1	9.00	8.00	8.00	7.5	9.00	8.90	6.50	7.1	8.00	8.00	6.50	7.4	0	Khá	không	Khá
50	24Q301120819	Mai Thu Hương	9/6/2006	ĐD12.08	9.0	9.00	9.00	9.00	7.2	9.00	8.90	6.00	7.0	7.50	8.00	6.50	7.4	0	Khá	không	Khá
51	24Q301120916	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	10/19/2006	ĐD12.09	8.3	8.00	8.00	8.50	7.0	7.80	7.80	6.50	7.4	7.50	7.00	7.50	7.4	0	Tốt	không	Khá
52	24Q301121033	Trần Như Quỳnh	4/17/2006	ĐD12.10	7.6	7.00	7.00	8.00	7.1	7.00	7.30	7.00	7.6	8.00	7.50	7.50	7.4	0	Khá	không	Khá
53	24Q301121311	Lương Vũ Khánh Linh	11/15/2006	ĐD12.13	7.6	7.00	7.00	8.00	7.1	7.50	8.40	6.50	7.6	7.00	8.00	7.50	7.4	0	Khá	không	Khá
54	24Q301121619	Trần Diệu Linh	3/20/2006	ĐD12.16	7.4	8.00	8.00	7.00	7.1	8.50	7.80	6.50	7.6	8.00	7.50	7.50	7.4	0	Khá	không	Khá
55	24Q301121932	Vũ Anh Thư	11/13/2006	ĐD12.19	8.3	8.50	9.00	8.00	6.2	6.50	8.90	5.00	8.3	8.00	7.00	9.00	7.4	0	Khá	không	Khá
56	24Q301122022	Trần Ngọc Mai	6/19/2006	ĐD12.20	8.7	8.00	8.50	9.00	7.0	8.00	8.70	6.00	7.2	7.50	7.50	7.00	7.4	0	Khá	không	Khá
57	24Q301120219	Nguyễn Thị Thu Hương	6/1/2005	ĐD12.02	8.2	7.00	8.00	8.50	6.6	9.00	7.80	5.50	7.7	8.00	8.00	7.50	7.3	0	Khá	không	Khá
58	24Q301120407	Nguyễn Thị Kim Chi	12/26/2005	ĐD12.04	8.7	8.00	8.50	9.00	7.0	8.70	7.30	6.50	7.0	7.50	8.00	6.50	7.3	0	Xuất sắc	không	Khá
59	24Q301120419	Nguyễn Hoàng Diệu Linh	10/31/2006	ĐD12.04	7.8	9.00	9.00	7.00	7.3	8.90	8.40	6.50	7.2	8.00	8.50	6.50	7.3	0	Tốt	không	Khá
60	24Q301120420	Nguyễn Ngọc Linh	7/16/2006	ĐD12.04	7.7	8.00	9.00	7.00	7.5	9.00	8.00	7.00	6.9	8.00	8.50	6.00	7.3	0	Tốt	không	Khá
61	24Q301120437	Trịnh Thị Thảo	3/11/2006	ĐD12.04	8.1	9.00	9.00	7.50	7.2	8.00	7.30	7.00	7.1	7.00	8.50	6.50	7.3	0	Tốt	không	Khá
62	24Q301120440	Nguyễn Ánh Tuyết	10/18/2006	ĐD12.04	7.8	8.00	8.50	7.50	7.2	8.00	6.00	7.50	7.1	7.00	8.50	6.50	7.3	0	Tốt	không	Khá
63	24Q301120505	Vũ Thị Quỳnh Anh	5/7/2006	ĐD12.05	7.6	7.00	8.00	7.50	7.2	8.50	8.20	6.50	7.3	7.50	8.00	7.00	7.3	0	Khá	không	Khá
64	24Q301120516	Trịnh Thị Khánh Hoà	4/10/2006	ĐD12.05	7.9	7.50	8.00	8.00	6.9	8.50	7.10	6.50	7.4	8.00	8.00	7.00	7.3	0	Tốt	không	Khá
65	24Q301120609	Nghiêm Thị Chi	12/8/2006	ĐD12.06	8.5	7.50	8.00	9.00	7.4	7.80	8.00	7.00	6.8	8.00	8.00	6.00	7.3	0	Tốt	không	Khá
66	24Q301120610	Vương Hồng Hạnh	3/8/2005	ĐD12.06	7.9	7.00	7.00	8.50	7.3	8.90	7.10	7.00	7.1	8.00	8.00	6.50	7.3	0	Xuất sắc	không	Khá
67	24Q301120717	Nguyễn Tuấn Hải	6/2/2006	ĐD12.07	7.7	7.50	7.00	8.00	6.6	8.00	7.30	6.00	7.9	9.00	7.00	8.00	7.3	0	Khá	không	Khá
68	24Q301120826	Nguyễn Phương Linh	9/22/2005	ĐD12.08	8.8	7.00	8.00	9.50	7.1	8.00	9.10	6.00	6.8	8.00	8.00	6.00	7.3	0	Khá	không	Khá
69	24Q301121019	Hạ Phương Linh	8/17/2006	ĐD12.10	7.9	7.00	8.00	8.00	7.2	9.00	9.10	6.00	7.2	8.00	8.50	6.50	7.3	0	Tốt	không	Khá
70	24Q301121040	Tạ Khánh Vân	1/5/2006	ĐD12.10	8.0	8.00	8.00	8.00	7.1	8.00	7.80	6.50	7.2	8.00	8.50	6.50	7.3	0	Tốt	không	Khá
71	24Q301121339	Tống Thanh Vân	1/9/2006	ĐD12.13	8.4	9.00	10.00	7.50	6.7	7.80	7.80	6.00	7.4	8.00	9.00	6.50	7.3	0	Khá	không	Khá

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 2163203/BC-
Số văn bản: 2163203
Ngày ban hành: 09/06/2026

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Mô đun 22: Công tác xã hội				Mô đun 5: Kỹ thuật điều dưỡng				Mô đun 6: CSSK người lớn nội khoa 1				ĐIỂM TK TÍNH HỌC BỔNG	THI LẠI	RÈN LUYỆN	KỶ LUẬT	Dự kiến được xét học bổng
					TBC HP	HS1	HS2	Thi	TBC HP	HS1	HS2	Thi	TBC HP	HS1	HS2	Thi					
					2				5				5				12				
72	24Q301121342	Nguyễn Hoài Yên	3/24/2006	ĐD12.13	7.7	8.00	8.00	7.50	8.0	8.70	8.70	7.50	6.5	8.00	8.00	5.50	7.3	0	Khá	không	Khá
73	24Q301121407	Vũ Quỳnh Chi	10/18/2006	ĐD12.14	8.1	7.00	10.00	7.50	7.6	8.30	8.70	7.00	6.6	8.00	8.50	5.50	7.3	0	Khá	không	Khá
74	24Q301121432	Đỗ Anh Thư	3/7/2006	ĐD12.14	9.5	6.00	10.00	10.00	6.7	9.00	8.20	5.50	6.9	8.00	8.50	6.00	7.3	0	Tốt	không	Khá
75	24Q301121518	Bùi Thu Huyền	11/21/2006	ĐD12.15	8.3	9.00	7.50	8.50	6.1	8.00	6.40	5.50	8.0	8.00	8.00	8.00	7.3	0	Tốt	không	Khá
76	24Q301121910	Nguyễn Hà Phương Linh	9/8/2006	ĐD12.19	8.9	8.50	10.00	8.50	6.8	7.40	8.40	6.00	7.1	8.00	7.00	7.00	7.3	0	Tốt	không	Khá
77	24Q301122038	Trương Thị Mai Trang	8/6/2006	ĐD12.20	8.7	9.00	10.00	8.00	7.2	8.20	7.10	7.00	6.9	8.00	8.50	6.00	7.3	0	Khá	không	Khá
78	24Q301122103	Nguyễn Đỗ Châu Anh	4/16/2006	ĐD12.21	8.3	8.00	8.00	8.50	7.0	7.00	8.00	6.50	7.3	8.00	7.50	7.00	7.3	0	Xuất sắc	không	Khá
79	24Q301122202	Nguyễn Phương Anh	11/15/2006	ĐD12.22	7.7	8.00	8.00	7.50	7.0	7.00	8.00	6.50	7.4	8.00	8.00	7.00	7.3	0	Tốt	không	Khá
80	24Q301122223	Phạm Thu Phương	8/20/2006	ĐD12.22	9.2	8.00	8.00	10.00	7.0	8.00	8.90	6.00	6.9	8.00	8.50	6.00	7.3	0	Tốt	không	Khá
81	24Q301122231	Nguyễn Thu Thảo	4/25/2006	ĐD12.22	9.1	7.00	8.00	10.00	7.4	8.00	8.00	7.00	6.4	7.00	8.00	5.50	7.3	0	Tốt	không	Khá
82	24Q301122324	Nguyễn Khánh Ly	10/12/2005	ĐD12.23	8.6	7.00	9.50	8.50	7.3	8.70	6.00	7.50	6.8	8.00	8.00	6.00	7.3	0	Tốt	không	Khá
83	24Q301120120	Phạm Trúc Linh	6/3/2006	ĐD12.01	8.3	8.00	8.00	8.50	7.1	9.00	6.40	7.00	6.8	7.50	7.00	6.50	7.2	0	Khá	không	Khá
84	24Q301120208	Nguyễn Huy Đức	7/17/2006	ĐD12.02	7.7	8.00	8.00	7.50	7.2	7.70	7.60	7.00	7.0	7.00	8.00	6.50	7.2	0	Tốt	không	Khá
85	24Q301120414	Nguyễn Vũ Ngọc Hà	9/6/2006	ĐD12.04	7.4	7.00	8.50	7.00	6.7	8.00	6.40	6.50	7.5	7.50	8.50	7.00	7.2	0	Khá	không	Khá
86	24Q301120442	Chu Hồng Yến	4/3/2006	ĐD12.04	7.4	8.00	7.00	7.50	6.9	8.00	6.00	7.00	7.4	7.00	8.50	7.00	7.2	0	Tốt	không	Khá
87	24Q301120509	Lưu Thị Phương Châm	8/26/2006	ĐD12.05	8.0	8.50	9.00	7.50	6.9	8.50	7.10	6.50	7.2	7.50	8.50	6.50	7.2	0	Tốt	không	Khá
88	24Q301120635	Nguyễn Thuỳ Tiên	5/27/2006	ĐD12.06	8.3	7.00	8.50	8.50	7.3	8.40	7.30	7.00	6.7	8.00	7.50	6.00	7.2	0	Tốt	không	Khá
89	24Q301120734	Đỗ Diễm Quỳnh	4/24/2006	ĐD12.07	8.9	9.50	8.50	9.00	7.3	9.00	8.40	6.50	6.4	7.50	8.00	5.50	7.2	0	Khá	không	Khá
90	24Q301120838	Phan Thị Trà	3/17/2006	ĐD12.08	8.9	8.00	9.00	9.00	7.0	6.50	8.40	6.50	6.7	8.00	7.50	6.00	7.2	0	Khá	không	Khá
91	24Q301121410	Mai Thị Hồng	12/19/2006	ĐD12.14	8.2	8.00	10.00	7.50	6.5	8.00	8.00	5.50	7.4	8.00	8.00	7.00	7.2	0	Khá	không	Khá
92	24Q301121528	Khiếu Huyền My	8/25/2006	ĐD12.15	8.3	8.00	8.00	8.50	6.7	8.80	8.40	5.50	7.2	8.00	8.50	6.50	7.2	0	Tốt	không	Khá
93	24Q301121820	Nguyễn Thị Hương Giang	12/27/2006	ĐD12.18	9.2	8.00	8.00	10.00	6.8	7.50	8.20	6.00	6.9	8.00	8.50	6.00	7.2	0	Tốt	không	Khá
94	24Q301121928	Đặng Văn Thắng	9/7/2002	ĐD12.19	8.0	6.50	6.50	9.00	7.0	8.00	7.60	6.50	7.0	9.00	7.00	6.50	7.2	0	Khá	không	Khá
95	24Q301121941	Nguyễn Tường Vy	5/13/2005	ĐD12.19	8.4	7.00	10.00	8.00	7.0	8.30	7.60	6.50	7.0	8.00	6.50	7.00	7.2	0	Tốt	không	Khá
96	24Q301122034	Nguyễn Thu Thủy	9/19/2005	ĐD12.20	8.3	7.50	9.50	8.00	6.9	8.50	8.00	6.00	7.1	8.00	8.00	6.50	7.2	0	Tốt	không	Khá
97	24Q301122108	Lương Thị Thanh Bình	2/19/2006	ĐD12.21	8.3	8.00	8.00	8.50	7.2	6.50	8.20	7.00	6.7	8.00	7.50	6.00	7.2	0	Khá	không	Khá
98	24Q301122221	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	7/19/2006	ĐD12.22	8.0	8.00	8.00	8.00	7.3	8.00	8.90	6.50	6.7	8.00	7.50	6.00	7.2	0	Tốt	không	Khá
99	24Q301122227	Nguyễn Huy Toàn Thăng	7/2/2006	ĐD12.22	9.1	7.00	8.00	10.00	6.6	9.00	8.00	5.50	7.1	9.00	8.50	6.00	7.2	0	Tốt	không	Khá
100	24Q301122230	Lương Phương Thảo	4/6/2006	ĐD12.22	9.2	8.00	8.00	10.00	6.1	8.00	7.60	5.00	7.4	9.00	8.50	6.50	7.2	0	Tốt	không	Khá
101	24Q301122309	Nguyễn Trần Bảo Bình	1/31/2006	ĐD12.23	7.9	7.00	7.00	8.50	7.4	8.60	7.80	7.00	6.6	8.00	8.50	5.50	7.2	0	Tốt	không	Khá
102	24Q301122318	Nông Chí Hướng	3/6/2006	ĐD12.23	8.0	5.00	9.50	8.00	6.9	8.00	7.30	6.50	7.1	8.00	8.00	6.50	7.2	0	Khá	không	Khá
103	24Q301122332	Ngô Thị Hồng Nhung	5/26/2006	ĐD12.23	8.2	7.00	8.00	8.50	6.6	9.00	6.70	6.00	7.3	7.50	8.00	7.00	7.2	0	Khá	không	Khá
104	24Q301122409	Trắng Nguyên Thùy Dung	2/17/2006	ĐD12.24	8.1	7.00	9.00	8.00	7.3	9.00	8.30	6.50	6.8	8.00	8.00	6.00	7.2	0	Tốt	không	Khá
105	24Q301122435	Lê Phương Uyên	5/14/2006	ĐD12.24	7.9	7.00	8.00	8.00	7.4	8.00	9.10	6.50	6.7	7.50	8.00	6.00	7.2	0	Khá	không	Khá
107	24Q301120112	Nguyễn Thị Kim Huệ	7/31/2006	ĐD12.01	8.8	7.00	8.00	9.50	7.3	8.00	7.60	7.00	6.1	7.50	8.00	5.00	7.1	0	Khá	không	Khá
108	24Q301120417	Nguyễn Ánh Hồng	1/14/2006	ĐD12.04	7.4	7.00	7.50	7.50	6.9	8.80	5.80	7.00	7.2	7.50	8.50	6.50	7.1	0	Tốt	không	Khá
109	24Q301120535	Lê Thị Thảo	9/13/2006	ĐD12.05	7.3	7.00	7.00	7.50	6.7	8.50	6.20	6.50	7.4	8.00	8.00	7.00	7.1	0	Tốt	không	Khá
110	24Q301120614	Đoàn Khánh Linh	1/20/2006	ĐD12.06	8.1	6.50	8.00	8.50	6.6	8.30	6.90	6.00	7.1	8.00	8.00	6.50	7.1	0	Tốt	không	Khá

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 2163203/BC-
Số văn bản: 2163203
Ngày ban hành: 09/06/2026

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Mô đun 22: Công tác xã hội				Mô đun 5: Kỹ thuật điều dưỡng				Mô đun 6: CSSK người lớn nội khoa 1				ĐIỂM TK TÍNH HỌC BỔNG	THI LẠI	RÈN LUYỆN	KỶ LUẬT	Dự kiến được xét học bổng
					TBC HP	HS1	HS2	Thi	TBC HP	HS1	HS2	Thi	TBC HP	HS1	HS2	Thi					
					2				5				5				12				
111	24Q301120822	Nguyễn Thị Hồng Liên	7/20/2006	ĐD12.08	8.7	9.00	8.00	9.00	6.8	7.80	8.20	6.00	6.8	8.00	8.00	6.00	7.1	0	Xuất sắc	không	Khá
112	24Q301120823	Đặng Trang Linh	8/6/2006	ĐD12.08	8.7	9.00	8.00	9.00	6.8	8.00	8.00	6.00	6.8	8.00	8.00	6.00	7.1	0	Khá	không	Khá
106	24Q301120902	Lưu Quỳnh Anh	7/23/2006	ĐD12.09	7.7	8.00	8.00	8.5	7.3	8.50	7.30	7.00	6.5	7.00	8.50	5.50	7.1	0	Khá	không	Khá
113	24Q301120929	Nguyễn Hải Ngân	9/23/2006	ĐD12.09	8.3	8.00	8.00	8.50	7.3	7.50	8.00	7.00	6.5	8.00	8.00	5.50	7.1	0	Khá	không	Khá
114	24Q301121016	Hoàng Ánh Hồng	11/10/2005	ĐD12.10	7.9	7.00	8.00	8.00	7.6	7.50	9.10	7.00	6.3	8.00	8.50	5.00	7.1	0	Tốt	không	Khá
115	24Q301121035	Lê Phương Thảo	6/6/2006	ĐD12.10	7.7	8.00	8.00	7.50	7.2	6.00	8.20	7.00	6.8	8.00	7.00	6.50	7.1	0	Tốt	không	Khá
116	24Q301121440	Vũ Thị Vân	1/25/2004	ĐD12.14	8.6	6.00	10.00	8.50	6.6	8.00	7.30	6.00	7.0	7.00	8.00	6.50	7.1	0	Khá	không	Khá
117	24Q301121537	Đặng Thị Thanh Thuý	3/1/2006	ĐD12.15	7.7	8.00	7.00	8.00	5.9	8.30	6.70	5.00	8.1	8.00	8.50	8.00	7.1	0	Khá	không	Khá
118	24Q301121620	Nguyễn Hương Ly	1/9/2006	ĐD12.16	7.9	7.00	7.00	8.50	7.4	8.00	9.10	6.50	6.5	8.00	8.00	5.50	7.1	0	Khá	không	Khá
119	24Q301121634	Lục Hoài Thương	7/23/2005	ĐD12.16	7.9	7.00	8.00	8.00	7.6	8.00	7.60	7.50	6.2	8.00	8.00	5.00	7.1	0	Tốt	không	Khá
120	24Q301121642	Nguyễn Thị Hoàng Yến	7/12/2006	ĐD12.16	7.6	8.00	7.50	7.50	7.3	8.00	7.60	7.00	6.8	8.00	8.00	6.00	7.1	0	Tốt	không	Khá
121	24Q301121812	Nguyễn Thị Thùy Diệu	9/22/2006	ĐD12.18	7.1	8.00	7.00	7.00	7.8	7.50	8.70	7.50	6.5	8.00	8.00	5.50	7.1	0	Tốt	không	Khá
122	24Q301121821	Nguyễn Thanh Hoa	1/1/2006	ĐD12.18	8.1	9.00	8.00	8.00	6.5	9.00	7.60	5.50	7.4	8.00	8.00	7.00	7.1	0	Khá	không	Khá
123	24Q301121931	Hà Thị Anh Thư	8/1/2006	ĐD12.19	8.7	8.00	9.50	8.50	6.2	8.00	7.80	5.00	7.4	8.00	7.00	7.50	7.1	0	Khá	không	Khá
124	24Q301122005	Bùi Ngọc Ánh	8/26/2006	ĐD12.20	8.1	8.00	8.50	8.00	6.7	7.00	8.20	6.00	7.1	8.00	8.00	6.50	7.1	0	Tốt	không	Khá
125	24Q301122011	Trịnh Thu Hoài	6/6/2006	ĐD12.20	8.8	9.00	9.50	8.50	6.7	6.60	8.20	6.00	6.8	8.00	8.00	6.00	7.1	0	Tốt	không	Khá
126	24Q301122015	Đỗ Thị Thanh Huyền	5/15/2006	ĐD12.20	8.4	8.00	9.50	8.00	6.8	8.00	8.00	6.00	6.8	8.00	8.00	6.00	7.1	0	Khá	không	Khá
127	24Q301122026	Hà Trần Bích Nụ	10/13/2006	ĐD12.20	9.4	8.50	8.50	10.00	6.9	7.00	7.80	6.50	6.3	7.50	7.50	5.50	7.1	0	Khá	không	Khá
128	24Q301122040	Nguyễn Ngọc Tú	11/12/2006	ĐD12.20	8.7	6.00	9.30	9.00	6.7	8.00	7.60	6.00	6.8	8.00	8.00	6.00	7.1	0	Khá	không	Khá
129	23Q301110412	Nguyễn Thu Hậu	9/16/2005	ĐD12.21	8.2	7.00	8.00	8.50	7.5	8.00	7.10	7.50	6.2	8.00	8.00	5.00	7.1	0	Tốt	không	Khá
130	24Q301122119	Hà Thị Phương Linh	9/1/2006	ĐD12.21	8.3	8.00	8.00	8.50	7.6	8.00	6.40	8.00	6.2	8.00	8.00	5.00	7.1	0	Tốt	không	Khá
131	24Q301122127	Đặng Thị Yến Nhi	8/6/2005	ĐD12.21	8.8	7.00	8.00	9.50	7.1	8.10	8.00	6.50	6.4	7.50	8.00	5.50	7.1	0	Tốt	không	Khá
132	24Q604110320	Nguyễn Hải Linh	4/7/2006	ĐD12.21	7.7	8.00	8.00	7.50	7.1	8.50	7.60	6.50	6.8	8.00	8.00	6.00	7.1	0	Khá	không	Khá
133	24Q301122201	Dương Phương Anh	11/17/2006	ĐD12.22	8.6	8.00	8.00	9.00	6.8	8.00	7.80	6.00	6.8	8.00	8.00	6.00	7.1	0	Khá	không	Khá
134	24Q301122209	Bùi Thị Kim Cúc	10/20/2006	ĐD12.22	7.9	7.00	7.00	8.50	7.0	9.00	8.20	6.00	6.9	8.50	8.00	6.00	7.1	0	Khá	không	Khá
135	24Q301122211	Lê Hương Giang	8/24/2006	ĐD12.22	8.6	8.00	8.00	9.00	6.2	7.00	7.30	5.50	7.3	8.50	7.50	7.00	7.1	0	Khá	không	Khá
136	24Q301122238	Trần Thu Uyên	7/22/2006	ĐD12.22	8.3	8.00	8.00	8.50	6.3	7.00	7.60	5.50	7.4	9.00	8.50	6.50	7.1	0	Tốt	không	Khá
137	24Q301122310	Phạm Thị Ngọc Diễm	8/30/2006	ĐD12.23	8.6	8.00	9.00	8.50	7.2	8.20	8.40	6.50	6.3	8.00	8.50	5.00	7.1	0	Tốt	không	Khá
138	24Q301122316	Nguyễn Thị Hải	8/18/2005	ĐD12.23	7.9	7.00	8.00	8.00	6.8	8.30	8.00	6.00	7.1	8.00	8.00	6.50	7.1	0	Khá	không	Khá
139	24Q301122317	Trương Thị Hồng Hiếu	7/29/2006	ĐD12.23	7.9	5.00	9.00	8.00	6.7	7.00	8.00	6.00	7.1	8.00	8.00	6.50	7.1	0	Khá	không	Khá
141	24Q301120113	Thạch Ngọc Huy	11/18/2006	ĐD12.01	7.7	6.00	8.00	8.00	7.4	8.00	8.00	7.00	6.2	8.00	7.00	5.50	7.0	0	Tốt	không	Khá
142	24Q301120135	Nguyễn Thị Thanh Thúy	4/13/2006	ĐD12.01	7.5	9.00	8.00	7.00	7.4	8.00	8.00	7.00	6.3	8.00	8.50	5.00	7.0	0	Tốt	không	Khá
143	24Q301120406	Nguyễn Tiến Bắc	10/13/2003	ĐD12.04	7.6	5.00	8.00	8.00	7.0	8.70	8.20	6.00	6.8	8.00	8.00	6.00	7.0	0	Tốt	không	Khá
144	24Q301120413	Nguyễn Ngọc Hà	3/8/2006	ĐD12.04	8.1	7.00	9.00	8.00	6.0	7.00	7.60	5.00	7.5	7.50	8.50	7.00	7.0	0	Khá	không	Khá
145	24Q301120432	Đặng Hoàng Phượng	7/26/2005	ĐD12.04	8.7	7.00	9.00	9.00	6.8	8.50	7.80	6.00	6.5	7.50	7.00	6.00	7.0	0	Tốt	không	Khá
146	24Q301120434	Nguyễn Đỗ Phương Thảo	4/10/2006	ĐD12.04	6.7	7.00	8.00	6.00	7.1	8.00	7.80	6.50	7.1	7.00	8.50	6.50	7.0	0	Tốt	không	Khá
147	24Q301120514	Nguyễn Thị Thu Hiền	5/27/2006	ĐD12.05	8.2	7.50	8.00	8.50	6.8	8.30	8.00	6.00	6.7	7.50	8.00	6.00	7.0	0	Tốt	không	Khá
148	24Q301120626	Phạm Yến Nhi	12/30/2006	ĐD12.06	7.3	6.50	6.00	8.00	6.9	8.00	7.30	6.50	6.9	8.00	6.00	7.00	7.0	0	Khá	không	Khá

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 2163203/BC-
Số văn bản: 2163203
Ngày ban hành: 09/06/2026

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Mô đun 22: Công tác xã hội				Mô đun 5: Kỹ thuật điều dưỡng				Mô đun 6: CSSK người lớn nội khoa 1				ĐIỂM TK TÍNH HỌC BỔNG	THI LẠI	RÈN LUYỆN	KỶ LUẬT	Dự kiến được xét học bổng
					TBC HP	HS1	HS2	Thi	TBC HP	HS1	HS2	Thi	TBC HP	HS1	HS2	Thi					
					2				5				5				12				
149	24Q301120737	Nguyễn Thị Thu	3/7/2006	ĐD12.07	7.7	8.00	8.00	7.50	7.1	8.70	8.70	6.00	6.7	7.50	8.00	6.00	7.0	0	Xuất sắc	không	Khá
150	24Q301120840	Trần Thuỳ Trang	11/23/2006	ĐD12.08	8.7	9.00	8.00	9.00	6.1	7.00	8.20	5.00	7.1	8.00	8.00	6.50	7.0	0	Tốt	không	Khá
151	24Q301120913	Nguyễn Hương Giang	6/7/2006	ĐD12.09	8.9	7.00	8.50	9.50	6.5	8.00	8.00	5.50	6.7	7.00	7.00	6.50	7.0	0	Khá	không	Khá
152	24Q301120927	Nguyễn Thanh Mai	12/27/2006	ĐD12.09	8.2	7.00	8.00	8.50	6.3	8.50	6.90	5.50	7.3	7.50	8.00	7.00	7.0	0	Khá	không	Khá
153	24Q301121038	Vũ Kiều Trang	8/7/2006	ĐD12.10	7.7	8.00	8.00	7.50	7.3	7.80	7.60	7.00	6.4	8.00	7.50	5.50	7.0	0	Tốt	không	Khá
154	24Q301121109	Phạm Thùy Dương	1/17/2005	ĐD12.11	8.1	8.00	8.50	8.00	6.7	8.00	6.70	6.50	6.8	8.00	8.00	6.00	7.0	0	Tốt	không	Khá
155	24Q301121207	Hoàng Nguyệt Cầm	6/5/2006	ĐD12.12	7.1	8.00	9.00	6.00	6.7	8.70	7.30	6.00	7.3	8.50	8.50	6.50	7.0	0	Xuất sắc	không	Khá
156	24Q301121242	Hoàng Hải Yến	4/10/2006	ĐD12.12	8.0	8.00	8.00	8.00	7.0	8.70	7.30	6.50	6.5	8.00	8.00	5.50	7.0	0	Khá	không	Khá
140	24Q301121321	Nguyễn Hải Ngân	9/15/2006	ĐD12.13	7.9	7.00	8.00	9	6.3	8.00	6.00	6.00	7.0	7.50	8.00	6.50	7.0	0	Khá	không	Khá
157	24Q301121309	Chu Thị Huyền	6/8/2006	ĐD12.13	8.0	8.00	9.00	7.50	6.8	8.00	7.80	6.00	6.7	7.00	8.00	6.00	7.0	0	Khá	không	Khá
158	24Q301121324	Nguyễn Phương Nhi	10/25/2006	ĐD12.13	7.7	8.00	9.00	7.00	6.6	8.20	8.20	5.50	7.1	8.00	9.00	6.00	7.0	0	Tốt	không	Khá
159	24Q301121419	Nguyễn Khánh Linh	8/30/2006	ĐD12.14	8.0	8.00	9.00	7.50	6.9	8.00	8.40	6.00	6.6	7.50	8.50	5.50	7.0	0	Tốt	không	Khá
160	24Q301121515	Trần Thị Hoa	9/13/2006	ĐD12.15	8.3	8.00	7.00	9.00	6.5	9.00	7.30	5.50	6.9	8.00	8.50	6.00	7.0	0	Tốt	không	Khá
161	24Q301121615	Trần Thị Huyền	3/2/2006	ĐD12.16	7.4	6.00	8.00	7.50	6.9	8.50	8.00	6.00	7.0	8.00	7.50	6.50	7.0	0	Tốt	không	Khá
162	24Q301121630	Nguyễn Thảo Quyên	1/6/2005	ĐD12.16	8.0	8.00	8.00	8.00	7.0	8.00	7.60	6.50	6.5	8.00	8.00	5.50	7.0	0	Tốt	không	Khá
163	24Q301122010	Kiều Thị Hạnh	2/1/2006	ĐD12.20	9.0	8.00	9.30	9.00	6.0	6.00	8.40	5.00	7.1	8.00	8.00	6.50	7.0	0	Khá	không	Khá
164	24Q301122012	Ngô Thị Hồng	6/27/2006	ĐD12.20	8.6	8.00	9.00	8.50	6.2	8.00	8.20	5.00	7.1	8.00	8.00	6.50	7.0	0	Tốt	không	Khá
165	24Q301122218	Vũ Khánh Linh	12/25/2005	ĐD12.22	8.3	8.00	8.00	8.50	7.1	8.00	8.20	6.50	6.4	8.00	7.50	5.50	7.0	0	Tốt	không	Khá
166	24Q301122228	Cấn Thị Mai Thanh	12/27/2005	ĐD12.22	8.0	8.00	8.00	8.00	7.3	8.00	8.70	6.50	6.3	8.00	8.50	5.00	7.0	0	Tốt	không	Khá
167	24Q301122234	Đặng Thu Trang	1/8/2006	ĐD12.22	8.9	8.00	8.00	9.50	6.7	8.00	7.60	6.00	6.5	9.00	8.50	5.00	7.0	0	Khá	không	Khá
168	24Q301122306	Trịnh Thị Hồng Anh	7/1/2006	ĐD12.23	7.9	7.00	8.00	8.00	7.3	8.50	9.60	6.00	6.3	8.00	8.50	5.00	7.0	0	Khá	không	Khá
169	24Q201010202	Đỗ Mai Anh	10/2/2006	ĐD12.24	8.6	7.00	8.50	9.00	6.8	8.00	7.80	6.00	6.6	7.50	7.50	6.00	7.0	0	Khá	không	Khá
170	24Q301122401	Lại Quỳnh Anh	12/13/2006	ĐD12.24	7.8	8.00	8.50	7.50	7.2	9.00	7.80	6.50	6.5	8.00	8.00	5.50	7.0	0	Khá	không	Khá

Các sinh viên kiểm tra lại thông tin, nếu có ý kiến thắc mắc liên hệ Phòng QLĐT và NCKH hạn phản hồi 15h00 10/06/2026

LÃNH ĐẠO PHÒNG QLĐT&NCKH

Nguyễn Quỳnh Châm

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 2163203/BC-
Số văn bản: 2163203
Ngày ban hành: 09/06/2026

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ BẠCH MAI
PHÒNG QLĐT&NCKH

THÔNG BÁO DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN XÉT HỌC BỔNG HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025 - 2026 - ĐIỀU DƯỠNG CHẤT LƯỢNG CAO K1

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Công tác xã hội				Tiếng Anh nâng cao				Mô đun 5: Kỹ thuật điều dưỡng				Mô đun 6: CSSK người lớn nội khoa 1				ĐIỂM TK TÍNH HỌC BỔNG	THI LẠI	RÈN LUYỆN	KỶ LUẬT	Dự kiến được xét học bổng
					TBC HP	HS1	HS2	Thi	TBC HP	HS1	HS2	Thi	TBC HP	HS1	HS2	Thi	TBC HP	HS1	HS2	Thi					
					2				2				5				5								
1	24Q301121926	Hoàng Như Quỳnh	11/25/2006	ĐD.CLC.01	8.1	8.50	8.00	8.00	8.3	8.00	9.00	8.00	8.2	7.50	8.90	8.00	8.1	8.00	8.50	8.00	**8.2**	0	Xuất sắc	không	Giỏi
2	24Q301120232	Đỗ Thị Phương	2/21/2006	ĐD.CLC.01	9.2	8.00	8.00	10.00	7.7	8.00	8.00	7.50	6.6	7.50	8.70	5.50	7.8	8.00	8.50	7.50	**7.6**	0	Xuất sắc	không	Khá
3	24Q301121814	Lê Thùy Dung	9/17/2006	ĐD.CLC.01	8.5	9.50	8.00	8.50	8.1	9.00	8.00	8.00	7.6	8.00	8.90	7.00	7.1	8.00	8.00	6.50	**7.6**	0	Xuất sắc	không	Khá
4	24Q301120108	Đỗ Hương Giang	10/24/2006	ĐD.CLC.01	7.7	6.00	8.00	8.00	7.1	8.00	8.00	6.50	6.7	8.30	6.20	6.50	7.7	8.00	9.00	7.00	**7.3**	0	Tốt	không	Khá
5	24Q301120318	Phạm Ngọc Lâm	11/7/2006	ĐD.CLC.01	8.3	8.00	8.00	8.50	8.1	9.00	9.00	7.50	6.6	9.00	7.80	5.50	7.4	8.00	9.00	6.50	**7.3**	0	Tốt	không	Khá
6	24Q301121839	Chu Tiến Thành	2/6/2006	ĐD.CLC.01	8.5	8.50	7.50	9.00	6.8	8.00	8.00	6.00	7.1	8.20	8.90	6.00	7.2	8.00	8.50	6.50	**7.3**	0	Tốt	không	Khá
7	24Q301120410	Vũ Đăng Thái Đức	7/16/1998	ĐD.CLC.01	8.6	7.00	8.50	9.00	8.4	9.00	9.00	8.00	6.2	8.00	6.90	5.50	7.2	8.00	8.50	6.50	**7.2**	0	Xuất sắc	không	Khá
8	24Q301121425	Vũ Bảo Ngân	5/23/2006	ĐD.CLC.01	8.1	8.50	8.00	8.00	8.0	8.00	9.00	7.50	7.0	7.00	8.20	6.50	6.6	8.50	8.00	5.50	**7.2**	0	Tốt	không	Khá
9	24Q301120130	Cao Thị Như Quỳnh	4/24/2005	ĐD.CLC.01	8.0	8.00	8.00	8.00	7.4	8.00	9.00	6.50	6.8	8.00	8.20	6.00	6.9	8.00	8.50	6.00	**7.1**	0	Xuất sắc	không	Khá
10	24Q301120142	Lê Quang Vinh	2/6/2006	ĐD.CLC.01	7.6	7.00	8.00	7.50	6.5	8.00	8.00	5.50	7.8	8.10	9.30	7.00	6.5	8.00	8.00	5.50	**7.1**	0	Xuất sắc	không	Khá
11	24Q301120225	Đinh Văn Long	7/8/2006	ĐD.CLC.01	8.0	8.00	8.00	8.00	8.0	8.00	9.00	7.50	6.4	7.50	6.90	6.00	7.1	8.00	8.00	6.50	**7.1**	0	Tốt	không	Khá
12	24Q301121816	Hoàng Thị Mỹ Duyên	8/6/2006	ĐD.CLC.01	8.3	9.00	8.50	8.00	7.4	8.00	8.00	7.00	6.7	8.00	7.60	6.00	6.8	8.00	8.00	6.00	**7.1**	0	Tốt	không	Khá
13	24Q301120136	Bùi Bích Thủy	1/8/2006	ĐD.CLC.01	8.0	8.00	8.00	8.00	7.4	8.00	8.00	7.00	6.7	7.80	7.60	6.00	6.7	8.00	7.50	6.00	**7.0**	0	Tốt	không	Khá
14	24Q301120139	Nguyễn Thị Thu Trang	10/30/2006	ĐD.CLC.01	7.4	8.00	7.00	7.50	7.1	8.00	8.00	6.50	7.3	8.00	8.90	6.50	6.4	8.00	7.50	5.50	**7.0**	0	Tốt	không	Khá
15	24Q301120909	Nguyễn Mạnh Duy	6/9/2006	ĐD.CLC.01	8.4	9.00	8.00	8.50	6.2	8.00	8.00	5.00	6.4	8.00	8.70	5.00	7.4	8.00	9.00	6.50	**7.0**	0	Xuất sắc	không	Khá
16	24Q301120935	Phan Thị Kiều Trang	1/7/2006	ĐD.CLC.01	8.4	9.50	7.50	8.50	8.1	9.00	8.00	8.00	6.6	8.50	8.00	5.50	6.4	8.00	7.50	5.50	**7.0**	0	Tốt	không	Khá

Các sinh viên kiểm tra lại thông tin, nếu có ý kiến thắc mắc liên hệ Phòng QLĐT và NCKH hạn phản hồi 15h00 10/06/2026

LÃNH ĐẠO PHÒNG QLĐT& NCKH

Nguyễn Quỳnh Châm

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 2163203/BC-
Số văn bản: 2163203
Ngày ban hành: 09/06/2026

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ BẠCH MAI
PHÒNG QLĐT&NCKH

THÔNG BÁO DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN XÉT HỌC BỔNG HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025 - 2026 -KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC K11

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Chính trị				Tin học				Bệnh học nội và nhi				Bệnh học ngoại và sản				TTBV Nội, Ngoại			Kỹ thuật xét nghiệm cơ bản				Huyết học 1				Hóa sinh 1				ĐIỂM TK TÍNH HỌC BỔNG	THI LẠI	RÈN LUYỆN	KỶ LUẬT	Dự kiến được xét học bổng
					TBC HP	HS1	HS2	Thi	TBC HP	HS1	HS2	Thi	TBC HP	HS1	HS2	Thi	TBC HP	HS1	HS2	Thi	TBC HP	TM	TH	TBC HP	HS1	HS2	Thi	TBC HP	HS1	HS2	Thi	TBC HP	HS1	HS2	Thi					
					5				3				3				2				2			2				2				3								
1	24Q602110224	Nguyễn Thanh Thư	1/25/2006	XN 11.02	7.7	8.00	8.00	7.50	8.7	10.00	9.50	8.00	7.0	6.00	8.50	6.50	7.4	6.00	8.00	7.50	8.5	9	8	8.1	8.00	8.50	8.00	7.7	9.00	7.50	7.50	6.6	8.50	6.00	6.50	7.7	0.0	Tốt	không	Khá
2	24Q602110114	Lương Phương Mai	2/28/2004	XN 11.01	7.1	8.00	7.00	7.00	9.1	10.00	10.00	8.50	6.1	6.50	8.50	5.00	6.4	5.00	8.00	6.00	8.8	9	8.5	7.7	8.00	8.00	7.50	6.6	9.00	5.60	6.50	5.7	8.00	6.00	5.00	7.1	0.0	Tốt	không	Khá
3	24Q602110210	Lê Hà Linh	8/21/2006	XN 11.02	7.4	8.00	7.00	7.50	7.6	10.00	9.00	6.50	6.5	5.50	8.00	6.00	6.5	6.00	8.00	6.00	7.5	8	7	7.3	8.00	7.50	7.00	6.8	10.00	7.00	6.00	6.2	8.00	7.00	5.50	7.0	0.0	Tốt	không	Khá

Các sinh viên kiểm tra lại thông tin, nếu có ý kiến thắc mắc liên hệ Phòng QLĐT và NCKH hạn phản hồi 15h00 10/06/2026

LÃNH ĐẠO PHÒNG QLĐT&NCKH

Nguyễn Quỳnh Châm

33935_NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH_11:10 09/06/2026
Th c s i u d ng NGUY N QU NH CHÂM a ky, 09/06/2026 11:06:59
Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 2163203/BC-
Số văn bản: 2163203
Ngày ban hành: 09/06/2026

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ BẠCH MAI
PHÒNG QLĐT&NCKH

THÔNG BÁO DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN XÉT HỌC BỔNG HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025 - 2026 - KTHAYH 11

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Kỹ thuật xử lý hình ảnh				Chính trị				Tin học				Bệnh học nội và nhi				Bệnh học ngoại và sản				Cơ sở vật lý hình ảnh				TTBV Nội, Ngoại			ĐIỂM TK TÍNH HỌC BỔNG	THI LẠI	RÈN LUYỆN	KỶ LUẬT	Dự kiến được xét học bổng
					TBC HP	HS1	HS2	Thi	TBC HP	HS1	HS2	Thi	TBC HP	HS1	HS2	Thi	TBC HP	HS1	HS2	Thi	TBC HP	HS1	HS2	Thi	TBC HP	HS1	HS2	Thi	TBC HP	Vòng2	Vòng1					
					2				5				3				3				2				2				2			19				
1	24Q601110111	Nguyễn Huy Hoàng	12/27/2006	KTHA K11.01	8.1	7.00	9.00	8.00	5.9	8.00	7.00	5.00	8.5	10.00	10.00	7.50	6.8	6.00	8.00	6.50	6.3	6.00	7.00	6.00	5.8	7.00	7.00	5.00	8.3	8.5	8	7.0	0	Khá	Không	Khá

Các sinh viên kiểm tra lại thông tin, nếu có ý kiến thắc mắc liên hệ Phòng QLĐT và NCKH hạn phản hồi 15h00 10/06/2026

LÃNH ĐẠO PHÒNG QLĐT& NCKH

Nguyễn Quỳnh Châm

33935_NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH_11:10 09/06/2026
Th c s i u d ng NGUY N QU NH CHÂM a ky, 09/06/2026 11:06:59

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức

Mã văn bản: 2163203/BC-
Số văn bản: 2163203
Ngày ban hành: 09/06/2026

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ BẠCH MAI
PHÒNG QLĐT&NCKH

THÔNG BÁO DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN XÉT HỌC BỔNG HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025 - 2026 -KỸ THUẬT VLTL VÀ PHCN K11

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	TTBV Nội, Ngoại		Sinh cơ học				Chính trị				Tin học				Bệnh học nội và nhi				Bệnh học ngoại và sản				GPCN hệ thần kinh và vận động				ĐIỂM TK TÍNH HỌC BỔNG	THI LẠI	RÈN LUYỆN	KỶ LUẬT	Dự kiến được xét học bổng
					TBC HP	Thi	TBC HP	HS1	HS2	Thi	TBC HP	HS1	HS2	Thi	TBC HP	HS1	HS2	Thi	TBC HP	HS1	HS2	Thi	TBC HP	HS1	HS2	Thi	TBC HP	HS1	HS2	Thi					
					2		2				5				3				3				2				2								
1	24Q604110231	Phùng Nhân Thắng	4/19/1995	PHCN K11.02	8.8	8.8	8.1	7.00	9.00	8.00	7.3	7.00	8.00	7.00	8.8	10.00	10.00	8.00	7.1	5.50	7.00	7.50	6.1	5.00	7.00	6.00	8.4	9.00	8.00	8.50	**7.7**	0	Tốt	không	Khá
2	24Q604110235	Phạm Thị Huyền Trang	5/8/1999	PHCN K11.02	8.3	8.3	7.4	6.00	9.00	7.00	6.5	8.00	8.00	5.50	8.8	10.00	10.00	8.00	7.3	5.00	8.00	7.50	6.4	5.00	7.00	6.50	7.7	10.00	8.00	7.00	**7.4**	0	Tốt	không	Khá
3	24Q604110328	Nguyễn Hữu Quyết	6/17/2006	PHCN K11.03	8.3	8.3	7.8	7.00	9.00	7.50	7.6	7.00	8.00	7.50	7.5	10.00	9.50	6.00	6.2	5.50	8.00	5.50	5.8	5.00	8.00	5.00	7.0	7.00	7.00	7.00	**7.2**	0	Khá	không	Khá
4	24Q604110135	Đỗ Hà Phương Thảo	10/20/2006	PHCN K11.01	8.5	8.5	8.0	6.00	10.00	7.50	7.0	7.00	8.00	6.50	8.1	10.00	9.50	7.00	6.5	6.50	7.50	6.00	5.8	7.00	7.00	5.00	6.1	7.00	7.00	5.50	**7.1**	0	Tốt	không	Khá
5	24Q604110118	Trần Khánh Huyền	12/17/2006	PHCN K11.01	8.3	8.3	6.8	8.00	7.00	6.50	7.0	7.00	8.00	6.50	8.5	10.00	9.00	8.00	6.1	6.00	7.50	5.50	6.1	5.00	8.00	5.50	5.8	7.00	7.00	5.00	**7.0**	0	Tốt	không	Khá
6	24Q604110330	Lương Ngọc Thanh	2/6/2006	PHCN K11.03	8	8	7.4	8.00	9.00	6.50	7.0	7.00	8.00	6.50	7.8	10.00	9.50	6.50	6.6	6.50	8.00	6.00	5.5	5.00	7.00	5.00	6.4	7.00	7.00	6.00	**7.0**	0	Tốt	không	Khá

Các sinh viên kiểm tra lại thông tin, nếu có ý kiến thắc mắc liên hệ Phòng QLĐT và NCKH hạn phản hồi 15h00 10/06/2026

LÃNH ĐẠO PHÒNG QLĐT&NCKH

Nguyễn Quỳnh Châm

33935_NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH_11:10 09/06/2026
Th c s i u d ng NGUY N QU NH CHÂM a ký, 09/06/2026 11:06:59

Mã văn bản: 2163203/BC-
Số văn bản: 2163203
Ngày ban hành: 09/06/2026

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ BẠCH MAI
PHÒNG QLĐT&NCKH

THÔNG BÁO DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN XÉT HỌC BỔNG HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025 - 2026 - DƯỢC K1

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tin học				Bệnh học				Hóa phân tích				Thực vật				Nghiên cứu Khoa học				ĐIỂM TK TÍNH HỌC BỔNG	THI LẠI	RÈN LUYỆN	KỶ LUẬT	Dự kiến được xét học bổng
					TBC HP	HS1	HS2	Thi	TBC HP	HS1	HS2	Thi	TBC HP	HS1	HS2	Thi	TBC HP	HS1	HS2	Thi	TBC HP	HS1	HS2	Thi					
					3				6				3				3				2								
1	24Q201010308	Nguyễn Thị Lan Anh	8/20/2006	Dược K1.02	7.9	10.00	10.00	6.50	7.8	8.00	8.50	7.50	8.0	8.00	9.00	7.50	8.5	7.50	9.00	8.50	7.1	8.00	8.00	6.50	**7.9**	**0**	Khá	không	Khá
2	24Q201010412	Cao Thị Diễm	2/22/2005	Dược K1.03	9.4	10.00	10.00	9.00	8.1	9.00	9.00	7.50	6.9	9.00	9.00	5.50	8.0	8.00	9.00	7.50	6.2	8.00	8.00	5.00	**7.9**	**0**	Tốt	không	Khá
3	24Q201010435	Nguyễn Thu Yến	11/7/2006	Dược K1.03	8.2	10.00	10.00	7.00	7.8	8.00	8.50	7.50	7.8	9.00	9.00	7.00	8.0	7.00	7.50	8.50	6.7	7.00	8.00	6.00	**7.8**	**0**	Tốt	không	Khá
4	24Q201010304	Lê Thị Lan Anh	12/18/2006	Dược K1.02	7.9	10.00	10.00	6.50	7.4	8.00	8.00	7.00	7.2	9.00	9.00	6.00	8.4	7.00	9.00	8.50	5.9	8.00	7.00	5.00	**7.5**	**0**	Tốt	không	Khá
5	24Q201010329	Nguyễn Thị ThùyTrang	6/29/2006	Dược K1.02	7.9	10.00	10.00	6.50	7.4	8.00	8.00	7.00	7.5	9.00	9.00	6.50	7.5	7.50	7.50	7.50	6.8	8.00	8.00	6.00	**7.5**	**0**	Khá	không	Khá
6	24Q201010119	Dương Hà Ngân	4/15/2003	Dược K1.01	8.4	10.00	9.50	7.50	7.4	7.00	9.50	6.50	7.1	8.00	7.00	7.00	7.7	8.00	8.00	7.50	5.9	8.00	7.00	5.00	**7.4**	**0**	Tốt	không	Khá
7	24Q201010230	An Thị Thúy	10/24/2005	Dược K1.02	7.2	8.00	9.50	6.00	6.7	8.00	7.50	6.00	8.4	9.00	9.00	8.00	8.7	7.50	8.50	9.00	6.7	7.00	8.00	6.00	**7.4**	**0**	Khá	không	Khá
8	24Q201010305	Nguyễn Dương Phương Anh	9/7/2006	Dược K1.02	8.7	10.00	9.50	8.00	6.4	8.00	7.50	5.50	7.6	9.00	7.00	7.50	8.8	7.50	9.00	9.00	5.8	7.00	7.00	5.00	**7.4**	**0**	Khá	không	Khá
9	24Q201010309	Nguyễn Thùy Dương	3/9/2006	Dược K1.02	7.9	10.00	10.00	6.50	7.5	8.00	8.50	7.00	6.5	8.00	8.00	5.50	7.8	7.50	7.50	8.00	6.1	7.00	8.00	5.00	**7.3**	**0**	Khá	không	Khá
10	24Q201010312	Kiều Ngọc Hải	6/27/2006	Dược K1.02	9.1	10.00	9.00	9.00	6.5	8.00	7.00	6.00	6.9	9.00	9.00	5.50	8.3	7.00	8.50	8.50	6.2	8.00	8.00	5.00	**7.3**	**0**	Khá	không	Khá
11	24Q201010217	Ngô Hương Ly	6/19/2006	Dược K1.01	7.9	10.00	10.00	6.50	7.4	8.00	8.00	7.00	6.8	8.00	8.00	6.00	7.7	8.00	8.00	7.50	5.8	7.00	7.00	5.00	**7.2**	**0**	Tốt	không	Khá
12	24Q201010218	Nguyễn Thị Cẩm Ly	8/25/2006	Dược K1.01	6.6	8.00	9.50	5.00	7.1	8.00	8.00	6.50	7.2	9.00	9.00	6.00	9.2	7.00	8.50	10.00	5.8	7.00	7.00	5.00	**7.2**	**0**	Tốt	không	Khá
13	24Q201010426	Nguyễn Mai Thanh	8/7/2006	Dược K1.03	7.6	10.00	10.00	6.00	6.9	8.00	8.50	6.00	7.2	9.00	8.00	6.50	7.9	7.50	8.00	8.00	6.5	8.00	8.00	5.50	**7.2**	**0**	Khá	không	Khá
14	24Q201010428	Đại Thị Thu	8/20/2005	Dược K1.03	7.9	10.00	10.00	6.50	7.2	8.00	8.50	6.50	7.2	9.00	9.00	6.00	7.1	7.00	7.50	7.00	5.9	8.00	7.00	5.00	**7.2**	**0**	Tốt	không	Khá
15	24Q201010434	Nguyễn Hải Yến	12/25/2006	Dược K1.03	7.9	10.00	10.00	6.50	7.2	8.00	8.50	6.50	6.5	8.00	9.00	5.00	7.4	7.00	7.50	7.50	6.5	8.00	8.00	5.50	**7.2**	**0**	Tốt	không	Khá
16	24Q201010333	Bùi Thị Thúy Vân	12/16/2006	Dược K1.02	8.1	10.00	9.50	7.00	6.2	8.00	7.00	5.50	7.1	8.00	9.00	6.00	8.3	7.00	8.50	8.50	6.7	7.00	8.00	6.00	**7.1**	**0**	Khá	không	Khá

Các sinh viên kiểm tra lại thông tin, nếu có ý kiến thắc mắc liên hệ Phòng QLĐT và NCKH hạn phản hồi 15h00 10/06/2026

LÃNH ĐẠO PHÒNG QLĐT&NCKH

Nguyễn Quỳnh Châm

Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức